TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 7 năm 2026
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Phú
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Chính
Ông Nguyễn Đức Cường

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ tham phiên tòa: Ông bà Vũ Kim Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2026/TLST- HNGĐ ngày 01/4/2026 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vì Thị Ánh T, sinh năm 2003
Địa chỉ: Khu A (nay là thôn B), xã V, tỉnh Phú Thọ
Bị đơn: Anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 2000
Địa chỉ: Khu A(nay là thôn B), xã V, tỉnh Phú Thọ
(Chị T đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Vì Thị Ánh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Anh Đ đăng ký kết hôn tự nguyện có tìm hiểu ngày 04/10/2021 tại (UBND xã M, huyện V, tỉnh Sơn La), nay là xã M, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn vợ chồng ở tại khu A, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 4/2024 hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không giải quyết được. Chị và anh Đ đã sống ly thân nhau 1 thời gian cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Cao C, sinh ngày 02/8/2021. Cháu C hiện đang ở cùng với chị.

Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Cao C cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc được. Chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Anh Đ: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc nên không có bản tự khai, anh Đ không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không tham gia phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn là chị Vì Thị Ánh T đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện. Bị đơn, anh Nguyễn Anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207, 208, khoản 2 Điều 227, Điều 238, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị Quyết 01/2025/HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V Thị Ánh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị V Thị Anh T1 được ly hôn với anh Nguyễn Anh Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Vì Thị Ánh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Cao C, sinh ngày 02/8/2021, cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc được. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ, có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyết giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn là anh Nguyễn Anh Đ có nơi cư trú là khu A V, xã H, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị Quyết 01/2025/HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

- Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vì Thị Ánh T và anh Nguyễn Anh Đ đăng ký kết hôn ngày 04/10/2021 tại (UBND xã M, huyện V, tỉnh Sơn La), nay là xã M, tỉnh Lai Châu việc tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Hồng T2 và anh Nguyễn Anh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn, chị T2 trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc cãi vã. Chị T2 và anh Đ đã sống ly thân nhau một thời gian cho đến hiện tại. Chị T2 đã nhiều lần nói chuyện với anh Đ để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành, bất đồng quan điểm sống nên vẫn xảy ra nhiều tranh cãi. Anh Đ không có trách nhiệm với con chung và mối quan hệ vợ chồng. Đến nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Anh Đ. Phía bị đơn, anh Đ không đến Tòa án nên không có quan điểm trình bày.

Xác minh tại khu dân cư 13, xã V, tỉnh Phú Thọ và chính quyền địa phương UBND xã V cung cấp: Chị Vì Thị Ánh T và anh Nguyễn Anh Đ đăng ký kết hôn

ngày 04/10/2021 tại (UBND xã M, huyện V, tỉnh Sơn La), nay là xã M, tỉnh Lai Châu. Chị T và anh Đ không không có dữ liệu đăng ký kết hôn tại UBND xã V, tuy nhiên UBND xã cấp trích lục kết hôn dựa trên dữ liệu hộ tịch điện tử.

Trong quá trình chung sống, anh Đ đi làm xa nhà thi thoảng anh mới về vào các dịp cuối tuần hoạc các ngày lễ tết, anh Đ và chị T sống xa nhau nên phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng anh chị thì đại diện khu dân cư và chính quyền địa phương không nắm rõ. Hiện nay, anh Đ và chị T không còn chung sống với nhau nữa. Anh Đ và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Cao C, sinh ngày 02/8/2021 hiện nay cháu đang sống cùng chị T. Trường hợp, chị T khởi kiện xin ly hôn thì quan điểm của UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng về việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ạnh Đ nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do chính đáng tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án. Điều này thể hiện anh H cũng không có mong muốn được đoàn tụ với chị T. Anh Đ vắng mặt, không hợp tác làm việc, cũng không có động thái gì để cải thiện cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Vì Thị Ánh T xin ly hôn với anh Nguyễn Anh Đ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị T xác định chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Cao C, sinh ngày 02/8/2021. Khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu CNguyễn Cao C, sinh ngày 02/8/2021 cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc. Chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Cao C, sinh ngày 02/8/2021 đang chung sống với chị T từ nhỏ cho đến nay, mọi sinh hoạt cũng như việc học hành của con chung đều do chị T đảm nhận. Mặt khác, anh Đ tuy có hộ khẩu thường trú tại khu A, xã V, tỉnh Phú Thọ nhưng anh Đ đi làm xa nhà, thi thoảng mới về và không có quan điểm giải quyết vụ án. Vì vậy, để đảm quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Cao C cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động tự túc được là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là phù hợp.

Anh Đ được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Do chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vì Thị Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 Phú Thọ là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207, 208, khoản 2 Điều 227, Điều 238, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị Quyết 01/2025/HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vì Thị Ánh T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vì Thị Ánh T được ly hôn anh Nguyễn Anh Đ.

[2]. Về con chung: Giao cho chị V Thị Ánh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Cao C, sinh ngày 02/8/2021 cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc được. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Về tài sản chung; công nợ; công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Vì Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00002645 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 5 Phú Thọ;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 5 Phú Tho;
- UBND xã Vĩnh Chân, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Phú